



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP CMISTONE Việt Nam

Ngày 31/03/2025	800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	-

DT thuần Q1/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.70 -12.4%
YoY: ▲ 6.87 131%

LN thuần Q1/25
-4.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.85 -60.7%
YoY: ▼3.03 -162%

LN sau thuế Q1/25
-6.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.82 -37.8%
YoY: ▼3.01 -82.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-55.0%
YoY: +/- ▼ 20.1%

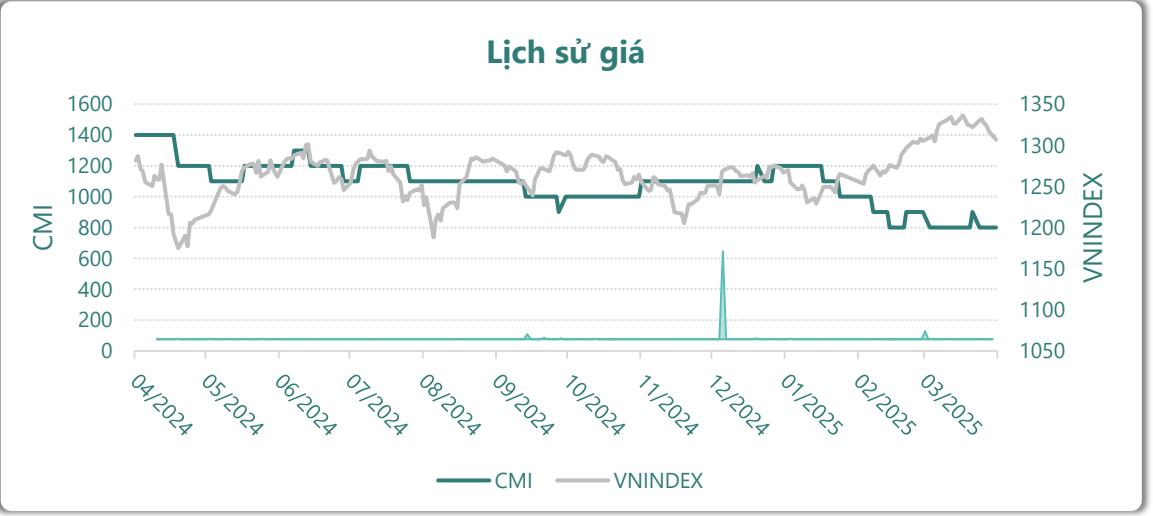
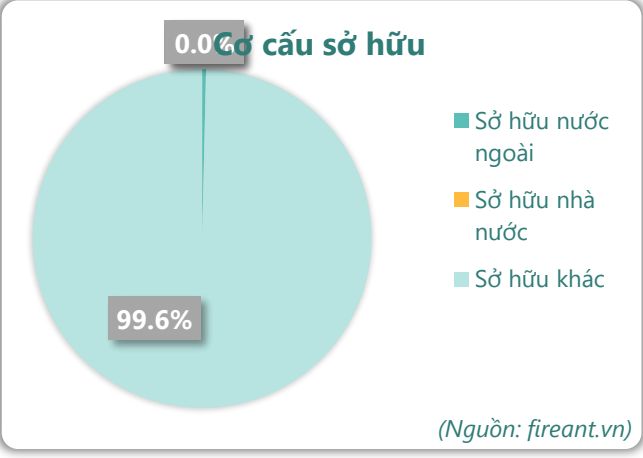
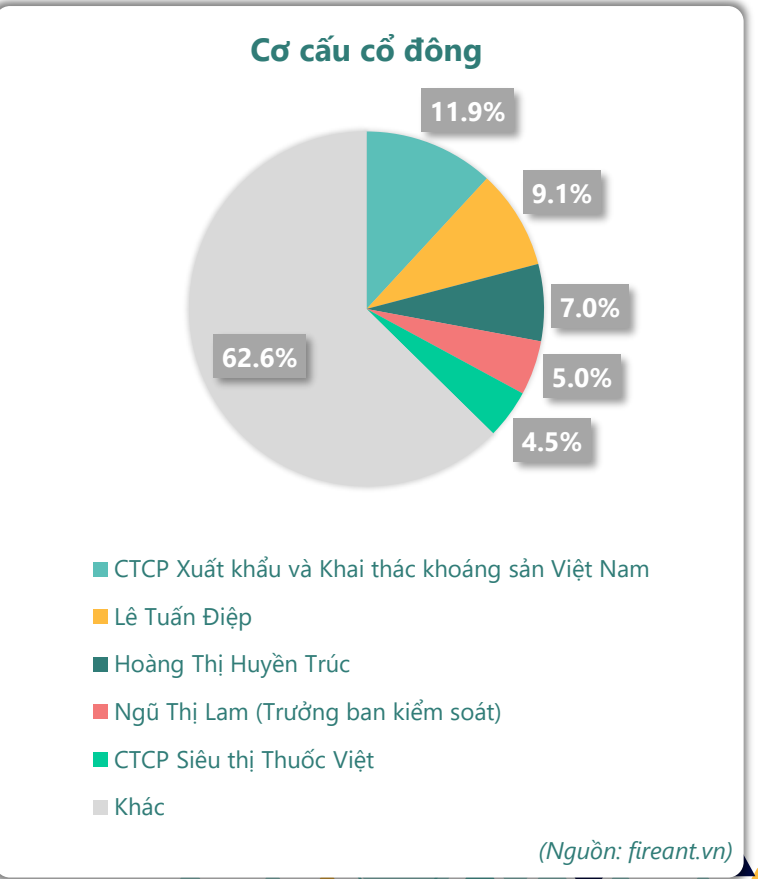
ROE (TTM) Q1/25
22.2%
YoY: +/- ▲ 1.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	800 - 1,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13
Số lượng CPLH (CP)	16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	480
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	
EPS	-1,468
P/E	-0.5

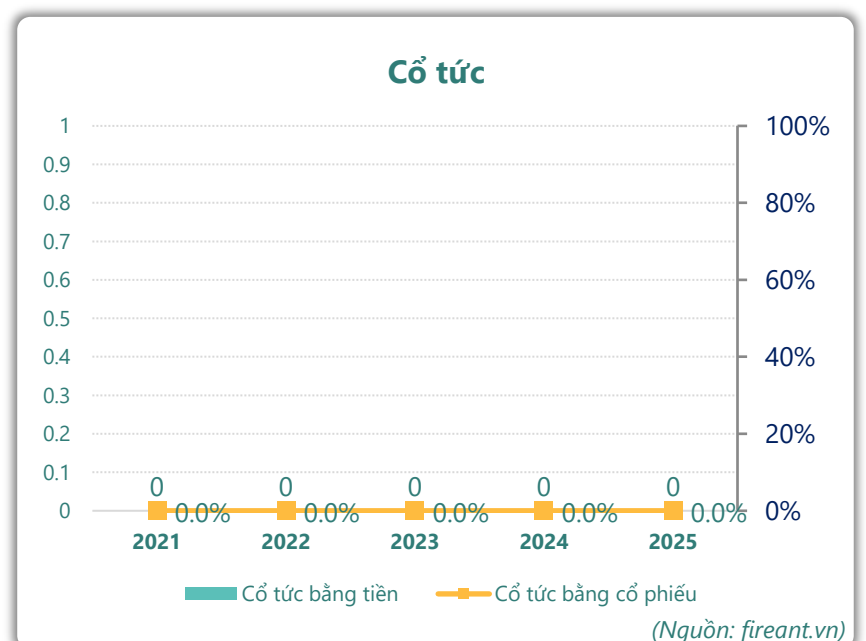
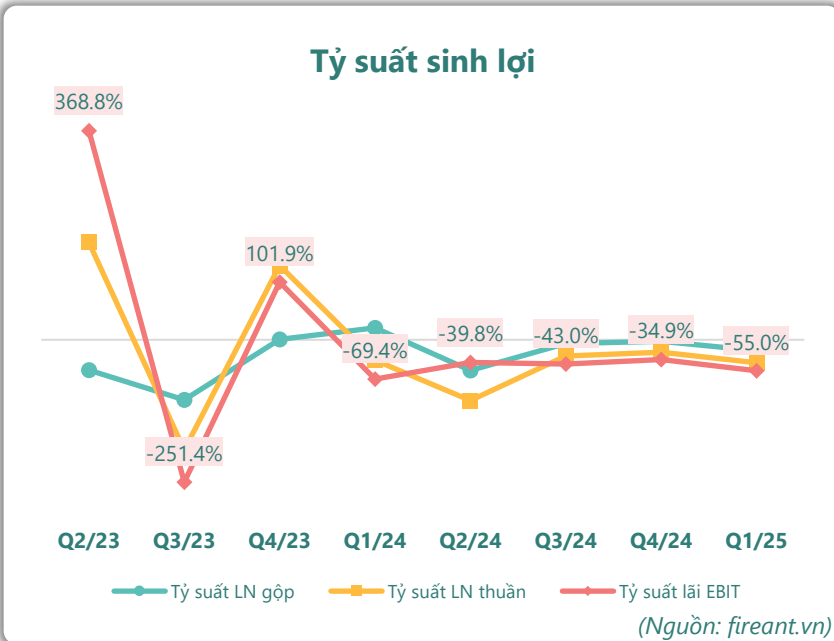
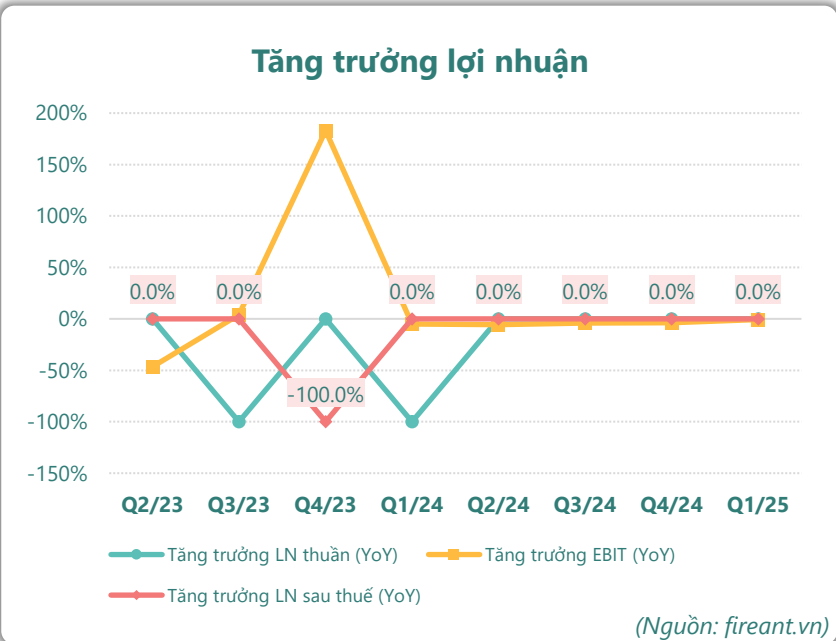
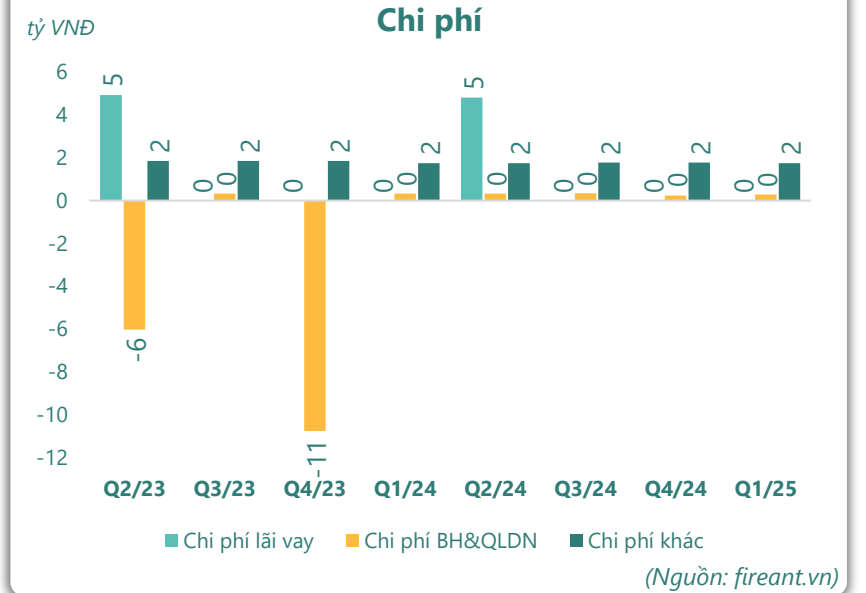
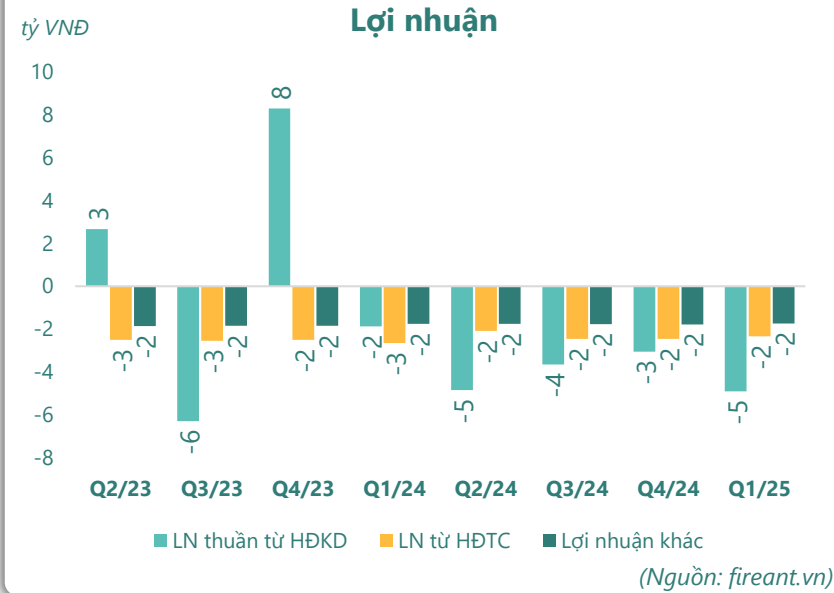
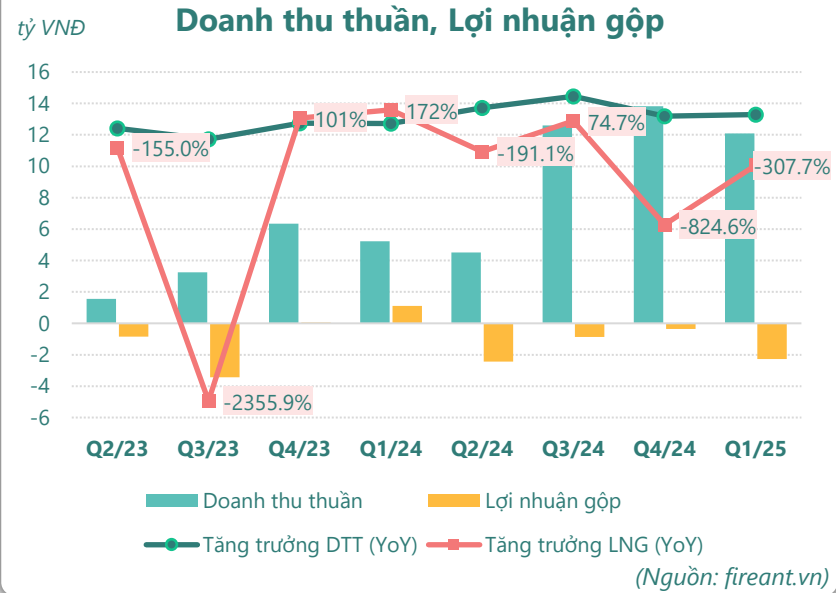
DT thuần 2024
36.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.6 148%

LN thuần 2024
-13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.4 -346%

LN sau thuế 2024
-20.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.6 -105%



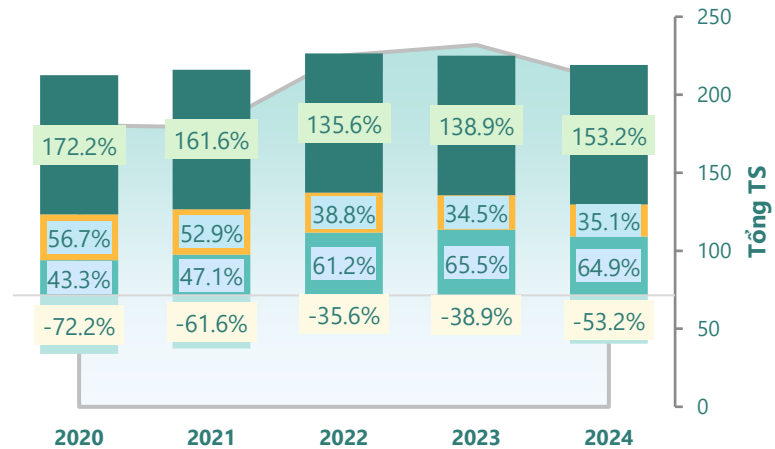
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

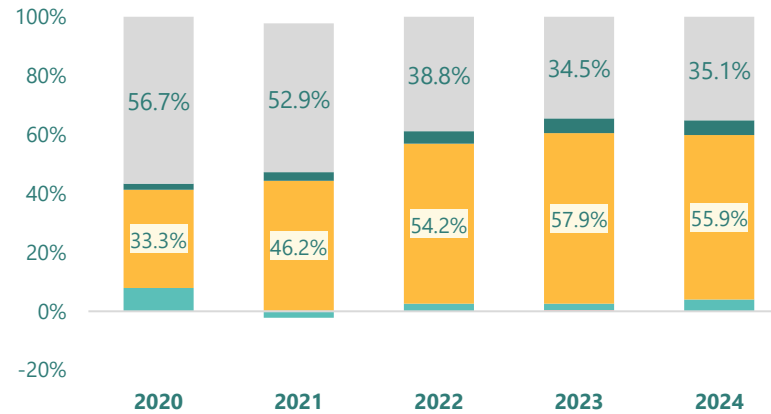
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

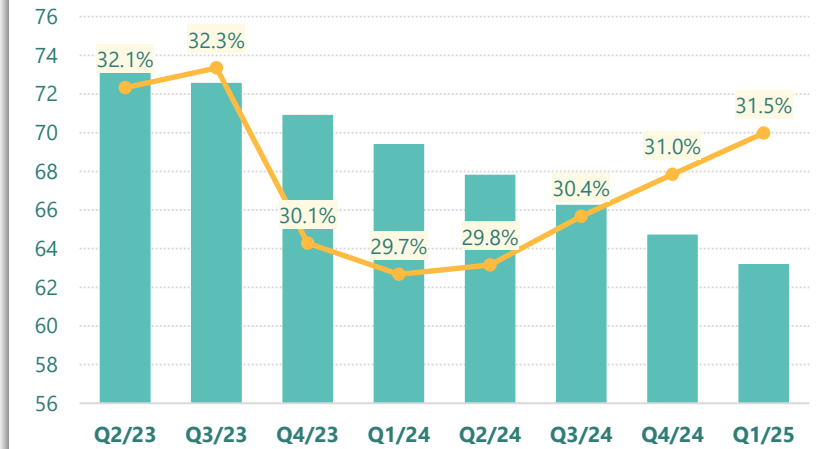


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

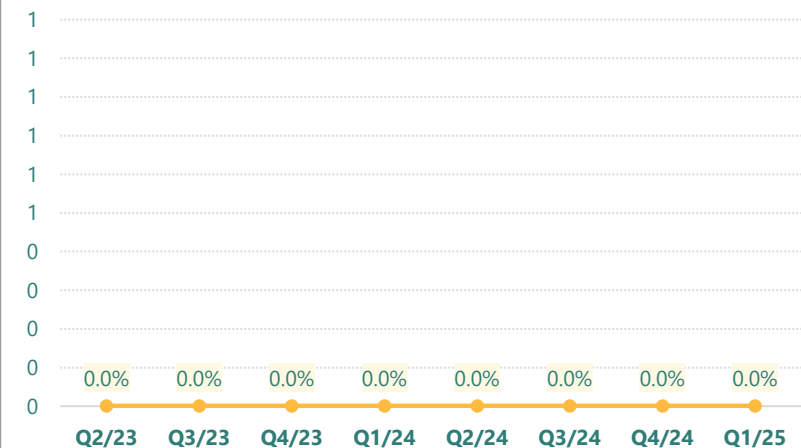


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

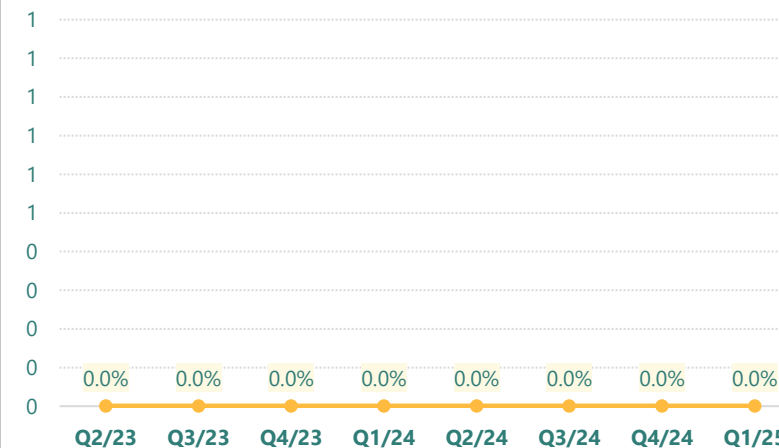


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

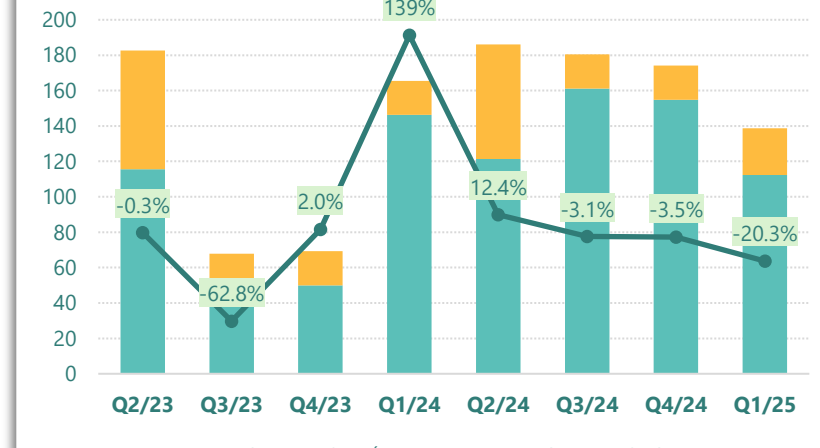


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

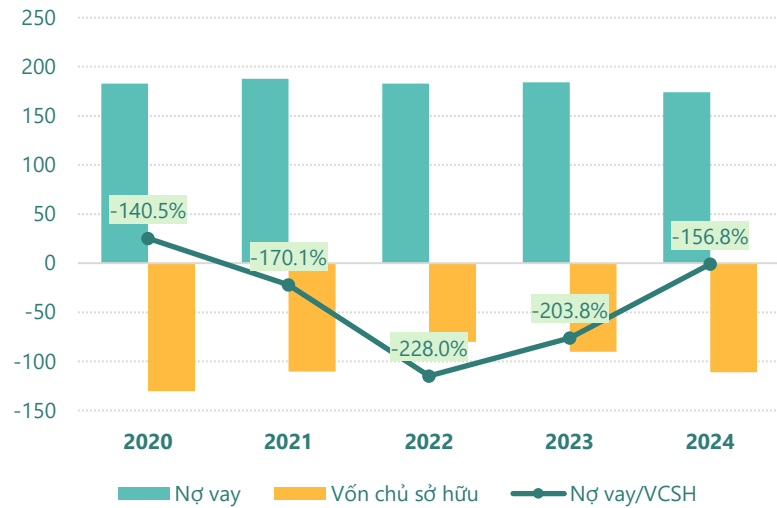
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

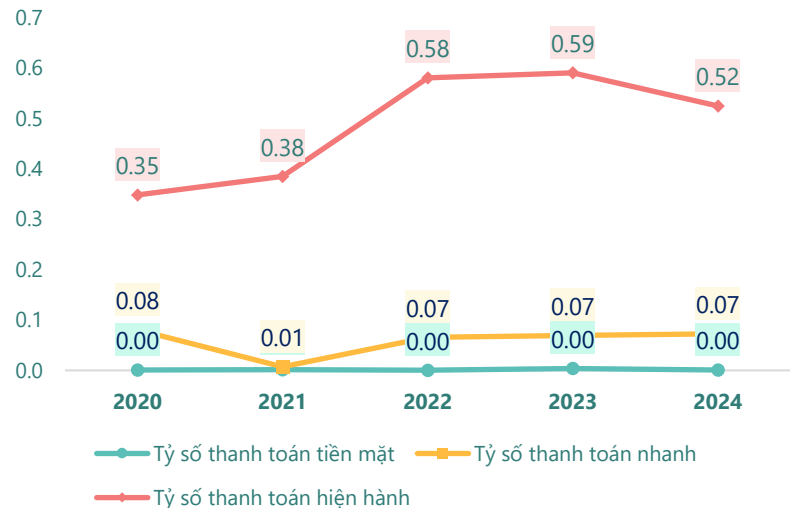
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



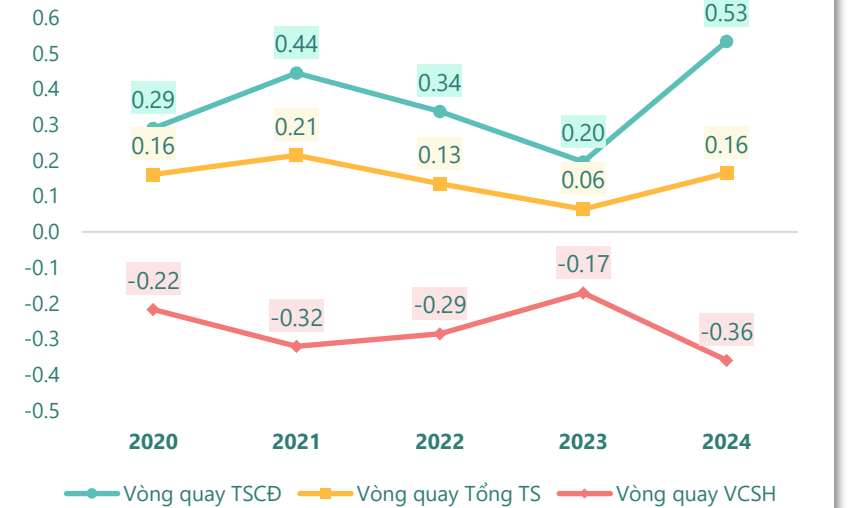
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



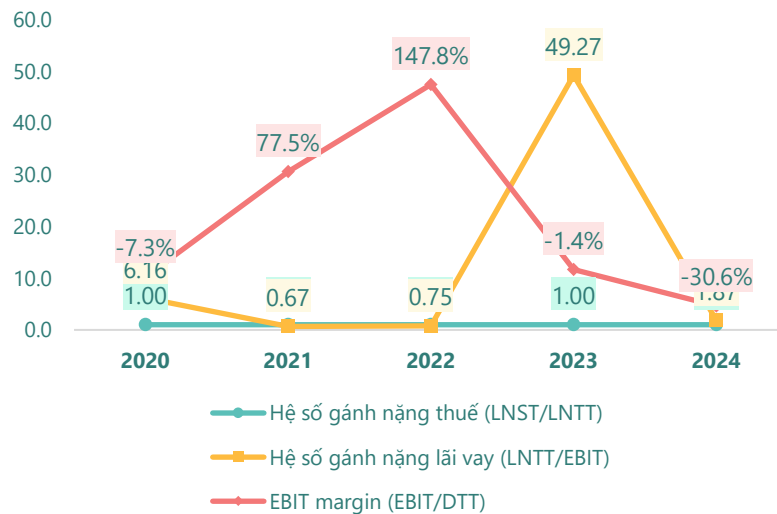
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



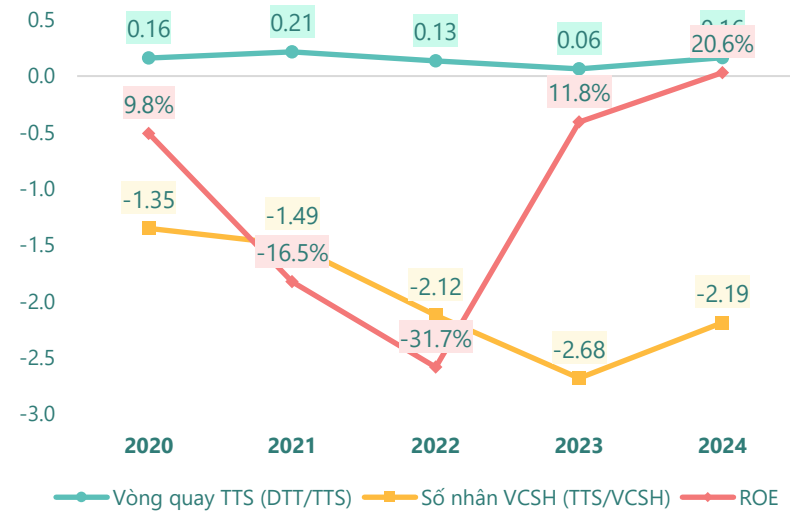
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



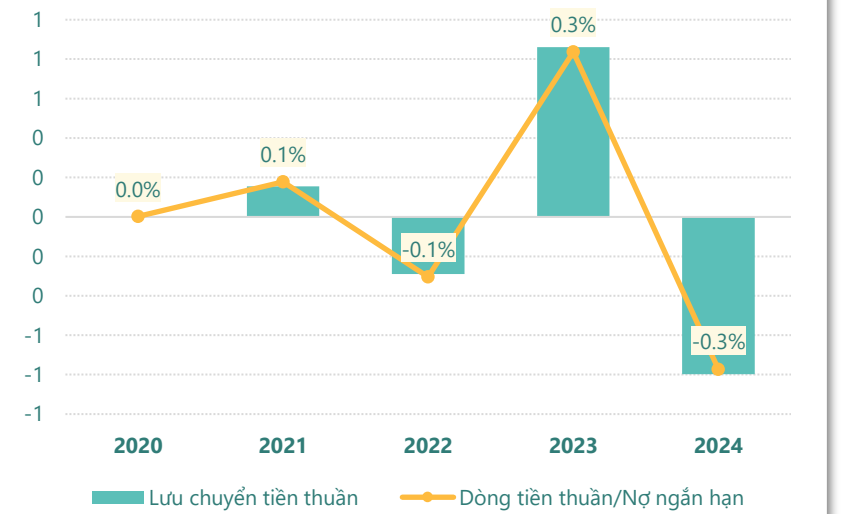
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.1	5.23	131%	36.2	14.6	148%
Giá vốn hàng bán	14.4	4.13	248%	38.7	20.3	90.3%
Lợi nhuận gộp	-2.28	1.10	-307%	-2.49	-5.75	56.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.03	-92.9%	1.48	0.04	3647%
Chi phí TC	2.34	2.68	-12.6%	11.1	10.1	9.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		9.65	9.89	-2.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.11	0.17	-33.3%	0.60	0.63	-4.9%
Chi phí QLDN	0.17	0.15	10.0%	0.72	-13.4	105%
LN thuần từ HĐKD	-4.90	-1.87	-162%	-13.4	-3.01	-346%
Lợi nhuận khác	-1.74	-1.75	0.6%	-7.30	-7.08	-3.1%
LN trước thuế	-6.64	-3.63	-82.9%	-20.7	-10.1	-105%
Lợi nhuận sau thuế	-6.64	-3.63	-82.9%	-20.7	-10.1	-105%
LNST của CĐ cty mẹ	-6.64	-3.63	-82.9%	-20.7	-10.1	-105%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.73	-0.64	-1.32	5.06	6.03	3.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.53	1.40	0.71	-5.68	-6.35	-3.59
Tiền đầu kỳ	3.11	0.94	1.70	1.09	0.46	0.14
Lưu chuyển tiền thuần	-2.20	0.76	-0.61	-0.62	-0.31	-0.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.91	1.70	1.09	0.46	0.15	0.09

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	201	209	-3.9%
Tài sản ngắn hạn	129	135	-4.7%
Tiền và tương đương tiền	0.09	0.14	-37.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.19	8.16	-11.8%
Hàng tồn kho	112	117	-4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	10.4	-2.2%
Tài sản dài hạn	71.6	73.4	-2.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.2	64.7	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.40	8.64	-2.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	318	320	-0.5%
Nợ ngắn hạn	292	258	13.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	112	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.8	20.0	-0.9%
Nợ dài hạn	26.4	61.8	-57.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	26.4	61.8	-57.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-118	-111	-6.0%
Vốn chủ sở hữu	-118	-111	-6.0%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

